**ĐỀ CƯƠNG ÔN THI ĐỊA LÍ 8 HKII**

**(Năm học 2019– 2020)**

**Bài 14: ĐÔNG NAM Á - ĐẤT LIỀN VÀ HẢI ĐẢO**

**1. Vị trí và giới hạn của khu vực Đông Nam Á**:

+ Điểm cực bắc : 2805’B

+ Điểm cực tây: 920Đ

+ Điểm cực nam: 1005’N

+ Điểm cực Đông: 1400Đ

- Đông Nam gồm phần đất liền và phần hải đảo nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa.

\* Phần đất liền mang tên bán đảo Trung Ấn.

\* Phần hải đảo có tên chung là quần đảo Mã Lai với trên 1 vạn đảo lớn nhỏ.

- Đông Nam Á là cầu nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa châu Á và châu Đại Dương.

- Vị trí địa lí ảnh hưởng sâu sắc tới khí hậu, cảnh quan khu vực đồng thời có ý nghĩa lớn về mặt kinh tế và quân sự.

**2. Đặc điểm tự nhiên:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Đặc điểm** | **Bán đảo Trung Ấn** | **Quần đảo Mã Lai** |
| Địa hình | -Các dải núi có hướng B- N, TB- ĐN  bao quanh những khối cao nguyên thấp ,địa hình bị chia cắt mạnh bởi các  thung lũng sông sâu  Đồng bằng phù sa màu mỡ, tập trung ở ven biển và hạ lưu các sông. | - Hệ thống núi có hướng vòng cung, Đ - T, ĐB - TN.  - Đồng bằng rất nhỏ hẹp ven biển.  - Có nhiều núi lửa. |
| Khí hậu | Nhiệt đới gió mùa, bão về mùa hè, thu | Xích đạo và nhiệt đới gió mùa, bão nhiều |
| Sông ngòi | 5 sông lớn bắt nguồn từ núi phía Bắc hướng chảy B- N,TB-ĐN, nguồn cung cấp nước chính là nước mưa nên chế độ nước theo mùa mưa, hàm lượng phù sa nhiều. | Sông ngắn, dốc, chế độ nước điều hòa, ít giá trị giao thông, có giá trị thủy điện |
| Cảnh quan | - Rừng nhiệt đới  - Rừng thưa, rụng lá vào mùa khô, xa van | Rừng rậm xanh quanh năm |

**Bài 15: ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ- XÃ HỘI ĐÔNG NAM Á**

**1. Đặc điểm dân cư**:

- Đông Nam Á là khu vực có dân số đông 536 triệu người (2002) chiếm 14,2 % dân số châu Á.

- Dân số trẻ có nguồn lao động dồi dào.

- Tị lệ gia tăng dân số khá nhanh 1.5 %.

- Mật độ dân số trung bình thuộc loại cao (119 người/km2).

- Có nhiều dân tộc thuộc chủng tộc Môn-gô-lô-ít và Ô-xtra-lô-ít cùng chung sống.

- Ngôn ngữ được dùng phổ biến trong khu vực là tiếng Anh, Hoa, Mã Lai.

- Dân cư tập trung chủ yếu ở vùng ven biển và các đồng bằng châu thổ

**2. Đặc điểm xã hội**:

- Người dân Đông Nam Á có nhiều nét tương đồng trong sinh hoạt ,sản xuất (trồng lúa nước, dùng trâu bò làm sức kéo, dùng lúa gạo làm nguồn lương thực chính…). Tuy nhiên, mỗi nước có những phong tục tập quán, tín ngưỡng riêng tạo nên sự đa dạng trong văn hoá từng dân tộc.

- Có cùng lịch sử đấu tranh giải phóng giành độc lập dân tộc.

- Tất cả các nét tương đồng trên là những điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác toàn diện, cùng nhau phát triển kinh tế giữa các nước và khu vực.

**Bài 16: ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ CÁC NƯỚC ĐÔNG NAM Á**

**1. Nền kinh tế của các nước Đông Nam Á phát triển khá nhanh song chưa vững chắc**:

- Đông Nam Á là khu vực có điều kiện tự nhiên và xã hội thuận lợi cho sự phát triển kinh tế.

- Trong thời gian qua nền kinh tế của các nước Đông Nam Á có tốc độ tăng trưởng khá cao, song chưa vững chắc .

- Việc sản xuất và xuất khẩu nguyên liệu vẫn chiếm vị trí đáng kể trong kinh tế của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay.

- Vấn đề cần quan tâm hiện nay ĐNA là gắn tăng trưởng kinh tế với bảo vệ môi trường,thực hiện chiến lược phát triển bền vững.

2. Cơ cấu kinh tế đang có những thay đổi:

­- Nền nông nghiệp lúa nước.

- Cơ cấu kinh tế của các nước ĐNA có sự thay đổi rõ rệt theo hướng tăng tỉ trọng của ngành công nghiệp và dịch vụ, giảm tỉ trọng của ngành nông nghiệp.

- Đa số các nước trong khu vực đang tiến hành công nghiệp hóa bằng cách phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng hoá phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu..

- Các ngành sản xuất chủ yếu tập trung ở các vùng đồng bằng, ven biển.

**Bài 17: HIỆP HỘI CÁC NƯỚC** **ĐÔNG NAM Á**

**( ASEAN)**

**1. Hiệp hội các nước Đông Nam Á**:

- Được thành lập ngày 8/8/1967 lúc đầu có 5 nước.

- Mục tiêu của Hiệp hội các nước Đông Nam Á thay đổi theo thời gian.

- Đến năm 1999 hiệp hội có 10 nước thành viên ( Thái Lan, In-dô-nê-xi-a, Ma-Lai-xi-a, Philipin, Xingapo, Brunây,Việt Nam, Lào, Mi-an-ma, Cam-pu-chia ).

Mchung của ASEAN : Các nước hợp tác để cùng phát triển xây dựng một cộng đồng hòa hợp ổn định trên nguyên tắc tự nguyện tôn trọng chủ quyền của nhau.

**2. Hợp tác để phát triển kinh tế xã hội:**

- Ba nước Ma-Lai-xi-a,In-dô-nê-xi-a-Xingapo đã lập tam giác tăng trưởng kinh tế Xi-giô-ri từ 1989 .Kết quả,tại các vùng kém phát triển của Ma-Lai-xi-a,In-dô-nê-xi-a đã xuất hiện các khu công nghiệp lớn

- Nước có trình độ phát triển cao hơn đã giúp đỡ các nước chậm phát triển đào tạo nghề,chuyển giao công nghệ….

- Tăng cường trao đổi hàng hoá giữa các nước

- Phối hợp khai thác và bảo vệ lưu vực sông Me-Kông

**3. Việt Nam trong ASEAN :**

- Tham gia vào ASEAN ,Việt Nam có nhiều cơ hội phát triển KT- XH nhưng cũng có nhiều thách thức cần vượt qua như sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế-xã hội,khác biệt về thể chế chính trị….

**Bài 18: THỰC HÀNH : TÌM HIỂU LÀO VÀ CAMPUCHIA**

-Vị trí này giúp Campuchia mở rộng giao lưu bên ngoài bằng cả đường bộ, đường biển ( cảng Xi- ha- nuc vin ), đường sông (sông Mê-Kông)

**2.Điều kiện tự nhiên**:

**a. Địa hình** :

- Đồng bằng (75% diên tích) chạy theo hướng tây bắc- đông nam.

- Núi và cao nguyên :chiếm 25 %.

\*Hai dãy núi chính: Đăng Rêch ( phía bắc), Cac- đa- môn (phía tây nam )

\*cao nguyên Chơ- Lông, Bôkeo ở phía đông, đông bắccó nhiều đất phù sa cổ,đất đỏ..

**b. Khí hậu** :có khí hậu nhiệt đới gió mùa

cận xích đạo với 2 mùa rỏ rệt

Mùa mưa từ tháng 4-10 có gió Tây Nam

ẩm

Mùa khô từ tháng 11-3 có gió mùa Đông Bắc khô

**c**.**Sông ngòi** : Mêcông, Tônglêsap và Biển Hồ nằm giữa đất nước, giàu nguồn nước..

**II. LÀO:**

Diện tích: 236800 km2

Dân số: 5,5 triệu(2002)

**1.Vị trí địa lý**:

- Nằm trên bán đảo Đông Dương

- Tiếp giáp Việt Nam ở phía đông ; Thái Lan ở phía tây;Trung Quốc,Mi-an-ma ở phía bắc;Cam-pu-chia ở phía nam

- Lào nằm sâu trong nội địa,không giáp biển,do đó giao lưu với các nước gặp nhiều khó khăn..

**2.Điều kiện tự nhiên**:

**a. Địa hình** :

- Đồng bằng chiếm 10% diên tích

Phân bố ở phía nam.dọc theo sông Mê-Kông

- Núi và cao nguyên chiếm 90 %.

Từ bắc xuống nam có các cao nguyên :Hủa Phan,Xiêng Khoảng ,Khăm Muộn,Bô-lô-ven.

**b. Khí hậu** : nhiệt đới gió mùa nóng quanh năm

\*Mùa mưa: tháng 4-10 có gió Tây Nam ẩm

\*Mùa khô: tháng 11-3 :có gió mùa đông

**c**.**Sông ngòi** :chủ yếu là sông Mêcông,

**Bài 22**: **VIỆT NAM - ĐẤT NƯỚC – CON NGƯỜI**

**1. Việt Nam trên bản đồ thố giớ**i:

- Việt Nam là một quốc gia độc lập, có chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ, bao gồm đất liền, hải đảo, vùng biển và vùng trời.

- Việt Nam gắn liền với lục địa Á –Âu, nằm ở phía đông của bán đảo Đông Dương và nằm gần trung tâm Đông Nam Á.

- Phía bắc giáp Trung Quốc, phía tây giáp với Lào, Campuchia, phía đông giáp với Biển Đông.

2. Việt Nam trên con đường xây dựng và phát triển:

- Việt Nam là một trong những quốc gia mang đậm đà bản sắc thiên nhiên ,văn hoá,lịch sử của khu vực Đông Nam Á

\* Thiên nhiên : mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa

\* Lịch sử: Lá cờ đầu trong khu vực về chống thực dân Pháp,phát xít Nhật,đế quốc Mĩ,giành độc lập dân tộc.

\* Văn hóa: có nền văn minh lúa nước, tôn giáo, nghệ thuật, kiến trúc và ngôn ngữ gắn bó với các nước trong khu vực.

-Trong công cuộc đổi mới toàn diện nền kinh tế ở nước ta (1986 ) đã đạt được nhiều thành tựu to lớn và vững chắc.

- Là thành viên của hiệp hội các nước Đông Nam Á từ 1995. Việt Nam tích cực góp phần xây dựng ASEAN ổn định, tiến bộ, thịnh vượng.

- Mục tiêu phấn đấu: phấn đấu đến 2020 Việt Nam trở thành một nước công nghiệp hiện đại.

**3. Học địa lí Việt Nam như thế nào**

- Đọc kĩ, hiểu và làm tốt các bài tập trong SGK.

- Sưu tầm tư liệu khảo sát thực tế, sinh hoạt tập thể ngoài trời, du lịch. . để làm giàu thêm vốn kiến thức của mình.

**BÀI 23: VỊ TRÍ, GIỚI HẠN, HÌNH DẠNG** **LÃNH THỔ VIỆT NAM**

**1. Vị trí và giới hạn của lãnh thổ**

**a. Phần đất liền**

- Diện tích : 331 212 km2

+ Điểm cực Bắc: xã Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Giang (23023’B)

+ Điểm cực Nam: xã Đất Mũi, Ngọc Hiển, Cà Mau ( 8034’B)

+ Điểm cực Đông: xã Vạn Thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hòa (109024’Đ)

+ Điểm cực Tây: xã Xín Thầu, Mường Nhé, Điện Biên (102009’Đ)

- Từ Bắc vào Nam trên đất liền dài 15 vĩ độ, Tây sang Đông gần 7 kinh độ.

- Việt Nam nằm trong múi giờ thứ 7 (GMT)

**b. Phần biển**

- Diện tích: khoảng 1 triệu km2, rộng gấp ba lần phần đất liền.

**c. Đặc điểm của vị trí địa lí Việt Nam về mặt tự nhiên**

- Vị trí nội chí tuyến.

- Vị trí gần trung tâm khu vực Đông Nam Á

- Vị trí cầu nối giữa đất liền và biển, giữa các nước Đông Nam Á đất liền và Đông Nam Á hải đảo.

- Vị trí tiếp xúc của các luồng gió mùa và các luồng sinh vật.

**2. Đặc điểm lãnh thổ**

**a. Phần đất liền**

- Nước ta kéo dài theo chiều Bắc – Nam: 1650 km

- Nơi hẹp nhất thuộc Quảng Bình chưa đầy 50 km

- Đường bờ biển hình chữ S dài: 3260 km.

- Đường biên giới trên đất liền dài 4600 km

**b. Phần biển Đông**

- Thuộc chủ quyền VN mở rộng về phía Đông và Đông Nam, có nhiều đảo và quần đảo.

- Biển Đông có ý nghĩa chiến lược đối với nước ta cả về mặt an ninh quốc phòng và phát triển kinh tế.

**BÀI 24:** **VÙNG BIỂN VIỆT NAM**

**1. Đặc điểm chung của vùng biển Việt Nam**

**a/ Diện tích, giới hạn**

- Biển Đông là một biển lớn với diện tích khoảng 3447000 km2 , tương đối kín, nằm trải rộng từ xích đạo tới chí tuyến Bắc.

- Vùng biển Việt Nam là một bộ phận của Biển Đông, diện tích khoảng 1 triệu km2

**b/ Đặc điểm khí hậu và hải văn của biển**

- Chế độ gió: Gió trên biển mạnh hơn trên đất liền. Có 2 mùa gió:

+ Gió Đông Bắc:Từ tháng 10 - tháng 4

+ Gió Tây Nam: Từ tháng 5 – tháng11

- Chế độ nhiệt: mùa hạ mát mẻ, mùa đông ấm hơn đất liền.

- Chế độ mưa: mưa ít hơn trong đất liền từ 1100 – 1300mm/năm.

- Dòng biển: mùa đông hướng ĐB – TN, mùa hạ hướng TN-ĐB

- Chế độ triều: chế độ nhật triều ở vịnh Bắc Bộ là điển hình của thế giới.

- Độ muối bình quân là 30 – 33%o

**2. Tài nguyên và bảo vệ môi trường biển Việt Nam**

**a/ Tài nguyên biển:** phong phú, đa dạng.

- Khoáng sản: dầu mỏ, khí đốt, kim loại, phi kim loại…

- Hải sản: cá, tôm…

- Mặt nước: giao thông trên biển

- Bờ biển: du lịch, hải cảng.

**-**Một số thiên tai thường xảy ra trên vùng biển nước ta : mưa, bão, sóng lớn, triều cường

**b/ Môi trường biển**

- Một số vùng bị ô nhiễm, nguồn lợi hải sản có chiều hướng giảm.

- Khai thác biển cần chú ý bảo vệ môi trường biển.

**BÀI 26: ĐẶC ĐIỂM TÀI NGUYÊN**

**KHOÁNG SẢN VIỆT NAM**

**1. Việt Nam là nước giàu tài nguyên khoáng sản**

- Khoáng sản nước ta phong phú về loại hình, đa dạng về chủng loại nhưng phần lớn có trữ lượng vừa và nhỏ.

Một số khoáng sản có trữ lượng lớn là: sắt, than, thiếc, cro6m, dầu mỏ, bôxít, đá vôi,….

**2. Sự hình thành các vùng mỏ chính ở nước ta ( giảm tải)**

**3. Vấn đề khai thác và bảo vệ tài nguyên khoáng sản**

- Cần thực hiện tốt Luật khoáng sản để khai thác hợp lí, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản quý giá của nước ta .

**BÀI 28: ĐẶC ĐIỂM ĐỊA HÌNH VIỆT NAM**

**1. Đồi núi là bộ phận quan trọng nhất của cấu trúc địa hình Việt Nam**

- Đồi núi là bộ phận quan trọng ,chiếm ¾ diện tích lãnh thổ, chủ yếu là đồi núi thấp ( 85% đồi núi thấp dưới 1000m, núi cao trên 2000m chỉ chiếm 1%, cao nhất là đỉnh Phan- xi- phăng 3143m).

- Địa hình đồng bằng chỉ chiếm ¼ diện tích và bị đồi núi ngăn thành nhiều khu vực điển hình là dãy đồng bằng duyên hải miền Trung.

**2. Địa hình nước ta được Tân kiến tạo nâng lên và tạo thành nhiều bậc kế tiếp nhau:**

- Vận động tạo núi giai đoạn tân kiến tạo làm cho địa hình nâng cao và phân bậc.

- Các bậc địa hình lớn thấp dần từ nội địa ra biển.

- Địa hình nước ta có 2 hướng chính Tây Bắc-Đông Nam và hướng vòng cung.

**3. Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa và chịu tác động mạnh mẽ của con người.**

- Địa hình nước ta mang tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm.

- Tác động của khí hậu: nước, nhiệt độ, mưa, gió tạo nên địa hình cácxtơ, hang động, cắt xẻ địa hình

- Tác động của con người:

+ Tiêu cực: phá rừng, bề mặt địa hình bị rửa trôi, xói mòn.

+ Tích cực: xây dựng hồ chứa nước và các công trình xây dựng.

**BÀI 29: ĐẶC ĐIỂM CÁC KHU VỰC ĐỊA HÌNH**

**1. Khu vực đồi núi**

**a)** **Vùng núi Đông Bắc:**

**-** Là vùng đồi núi thấp, nằm ở tả ngạn sông Hồng, nổi bật với các dãy núi hình cánh cung. Địa hình cacxtơ phổ biến, tạo nên nhiều cảnh quan đẹp và hùng vĩ.

**b) Vùng núi Tây Bắc**

- Nằm giữa sông Hồng và sông Cả, hùng vĩ, đồ sộ nhất nước ta, kéo dài theo hướng TB-ĐN.

**c) Vùng núi Trường Sơn Bắc**

- Từ sông Cả tới dãy núi Bạch Mã. Là vùng núi thấp, có hai sườn không đối xứng, có nhiều nhánh đâm ra biển.

**d) Vùng núi và cao nguyên Trường Sơn Nam**

- Là vùng đồi núi, cao nguyên hùng vĩ, lớp đất đỏ badan phủ trên các cao nguyên rộng lớn.

**e) Vùng bán bình nguyên Đông Nam Bộ và vùng đồi trung du Bắc Bộ**

- Phần lớn là những thềm phù sa cổ. Mang tính chất chuyển tiếp giữa miền núi và đồng bằng

**2. Khu vực đồng bằng :**

**a) Đồng bằng châu thổ hạ lưu các sông lớn**

- Đồng bằng sông Cửu Long và đồng bằng sông Hồng

+ Đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích khoảng 40 000 km2, không có đê lớn ngăn lũ , có nhiều kênh rạch.

+Đồng bằng sông Hồng, diện tích 15 000 km2 có hệ thống đê lớn để ngăn lũ.

**b) Các đồng bằng duyên hải Trung Bộ**

- Tổng diện tích khoảng 15 000 km2, nhỏ hẹp và kém phì nhiêu.

**3. Địa hình bờ biển và thềm lục địa**

- Bờ biển: dài trên 3 200km (từ Móng Cái đến Hà Tiên). Có 2 dạng chính:

+ Bờ biển bồi tụ: vùng đồng bằng

+ Bờ biển mài mòn: chân núi, hải đảo từ Đà Nẵng đến Vũng Tàu.

- Thềm lục địa: mở rộng ở vùng biển Bắc Bộ và Nam Bộ, có nhiều dầu mỏ.

**BÀI 31: ĐẶC ĐIỂM KHÍ HẬU VIỆT NAM**

**1. Tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm:**

- Số giờ nắng: đạt từ 1400-3000 giờ trong một năm.

- Nhiệt độ trung bình năm 210C

- Khí hậu nước ta chia thành hai mùa rõ rệt, phù hợp với hai mùa gió:

+ Mùa đông lạnh, khô với gió mùa Đông Bắc.

+ Mùa hạ nóng, ẩm với gió mùa Tây Nam.

- Gió mùa mang đến lượng mưa lớn (1500-2000 mm/năm) và độ ẩm không khí rất cao (trên 80%).

**2. Tính chất đa dạng và thất thường:**

**a. Tính chất đa dạng: Phân hoá theo không gian và thời gian hình thành 4 miền khí hậu khác nhau:**

- Miền khí hậu phía Bắc (từ Hoành Sơn vĩ tuyến 180B trở ra) có mùa đông lạnh, ít mưa, mùa hè nóng và nhiều mưa.

- Miền khí hậu Đông Trường Sơn (từ Hoành Sơn đến mũi Dinh) có mùa mưa lệch hẳn về thu đông.

- Miền khí hậu phía Nam (gồm Nam Bộ và Tây Nguyên) khí hậu cận xích đạo, có 2 mùa: mưa và khô.

- Miền khí hậu Biển Đông Việt Nam mang tính chất gió mùa nhiệt đới hải dương.

**b. Tính chất thất thường:**

- Có năm rét sớm, năm rét muộn, năm mưa lớn, năm khô hạn, năm ít bão, năm nhiều bão…

# Bài 32: CÁC MÙA KHÍ HẬU VÀ THỜI TIẾT Ở NƯỚC TA

**1. Mùa gió Đông Bắc (Mùa đông):**

- Thời gian hoạt động tháng 11 đến tháng 4 hàng năm

- Hướng gió thịnh hành là hướng đông bắc

- Tính chất chung :lạnh khô,ít mưa,thường gây hạn.

**Các miền khí hậu :**

\*Ở miền Bắc do ảnh hưởng trực tiếp của gió mùa Đông Bắc nên có mùa đông lạnh, khô

\*Miền Nam và Tây Nguyên thời tiết khô nóng ít mưa dễ gây khô hạn và thiếu nước sản xuất

\*Duyên hải Trung Bộ có mưa lớn vào các tháng cuối năm do địa hình chắn gió và bão biển đổ bộ.

**2**. **Mùa gió Tây Nam (Mùa hè)**

- Thời gian hoạt động: tháng 5->tháng 10 Hướng gió thịnh hành là hướng TN

- Tính chất chung: nóng, ẩm mưa lớn, thường có bão.

- Nhìn chung vào mùa này nhiệt độ cao đều trên toàn quốc và đạt trên 250C.Lượng mưa lớn chiếm trên 80 % lượng mưa cả năm, riêng vùng DH. miền Trung bị khô hạn do gió tây khô nóng hoạt động.

**3. Những thuận lợi và khó khăn do khí hậu mang lại**.

**a.Thuận lợi:**

+ Sinh vật nhiệt đới phát triển quanh năm.

+ Thích hợp cho nền nông nghiệp nhiệt đới vươn lên mạnh mẽ theo hướng xen canh, chuyên canh và đa canh..Ngoài sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới nước ta còn có sản phẩn của vùng ôn đới,á nhiệt đới

**b. Khó khăn:**

Nhiều thiên tai, bất trắc do thời tiết diễn biến phức tạp (bão lũ, hạn hán, sương muối, sương giá, xói mòn, xâm thực đất.)

**BÀI 33. ĐẶC ĐIỂM SÔNG NGÒI VIỆT NAM**

1**. Đặc điểm chung**:

**a. Nước ta có mạng lưới sông ngòi dày đặc phân bố rộng khắp trên cả nước:**

- Nước ta có tới 2360 con sông, trong đó có 93% là sông nhỏ và ngắn(diện tích lưu vực dưới 500 Km2).

- Mạng lưới sông ngòi dày đặc, phân bố không đều. Các sông lớn là sông Hồng, sông Mê Kông.

**b. Hướng chảy :** Sông ngòi nước ta chảy theo hai hướng chính là Tây Bắc – Đông Nam và hướng vòng cung:

- Các sông chảy theo hướng Tây Bắc – Đông Nam**:** Sông Đà, sông Hồng, sông Cả, sông Mã, sông Ba, sông Tiền, sông Hậu,...

**-** Các sông chảy theo hướng vòng cung: Sông Lô, sông Gâm, sông Cầu, sông Thương,...

**c. Chế độ nước :** Sông ngòi nước ta có hai mùa nước: mùa lũ và mùa cạn khác nhau rõ rệt. Mùa lũ nước dâng cao và chảy mạnh, lượng nước gấp hai, ba lần mùa cạn và chiếm 70 → 80% lượng mưa cả năm.

**d. Hàm lượng phù sa :** có lượng phù sa lớn, bình quân 1m3 nước sông có 223 gam cát bùn và các chất hòa tan khác.

Tổng lượng phù sa trôi theo dòng nước lên tới 200 triệu tấn/ năm.

**2. Khai thác và bảo vệ sự trong sạch của các dòng sông**:

**a. Giá trị sông ngòi:**

- Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản…

- Sông bồi đắp phù sa tạo nên đồng bằng châu thổ s.Hồng, s.Cửu Long.

**b. Sông ngòi nước ta đang bị ô nhiễm :**

- Nguồn nước sông đang bị ô nhiễm, nhất là sông ở các thành phố, các khu CN, các khu tập trung dân cư,...

- Nguyên nhân :do các chất thải CN, chất thải sinh hoạt....

- Cần phải chủ động phòng chống lũ, bảo và khai thác hợp lí các nguồn lợi từ sông

**BÀI TÍCH HỢP -CHỦ ĐỀ: ĐẤT VÀ SINH VẬT**

**(Tích hợp 3 bài : 36(1) + bài 37 + bài 38 (2,3)**

**I/ Đất Việt Nam**

**1 Đặc điểm chung của đất Việt Nam**:

**a. Đất ở nước ta rất đa dạng, phức tạp thể hiện rõ tính chất nhiệt đới gió mùa ẩm của thiên nhiên Việt Nam:**

- Nguyên nhân : sự đa dạng của đất là do nhiều nhân tố tạo nên như đá mẹ ,địa hình,khí hậu ,nguồn nước ,sinh vật, và tác động của con người

**b. Nước ta có ba nhóm đất chính**

**Nhóm đất feralit:** hình thành tại các vùng đồi núi thấp, chiếm 65% DT đất tự nhiên.

**Nhóm đất mùn núi cao:** được hình thành dưới thảm rừng á nhiệt đới hoặc ôn đới vùng núi cao, chiếm 11%, chủ yếu là đất rừng đầu nguồn.

**Nhóm đất bồi tụ phù sa sông và biển** : chiếm 24 % tập trung tại các đồng bằng nhiều nhất là đb s.Cửu Long, đb s.Hồng.

**2. Bảo vệ tài nguyên rừng:**

- Cần trồng rừng, phủ xanh đất trồng đồi trọt, tu bổ, tái tạo rừng.

- Sử dụng hợp lí rừng đang khai thác.

- Thực hiện nghiêm chỉnh Luật lâm nghiệp Việt Nam.

**II Sinh vật Việt Nam**

**1. Đặc điểm chung**

- Sinh vật VN rất phong phú và đa dạng về thành phần loài và hệ sinh thái do các điều kiện sống cần và đủ cho sinh vật khá thuận lợi.

- Sinh vật phân bố khắp nơi trên lãnh thổ và phát triển quanh năm.

- Do tác động của con người, sinh vật nước ta bị suy giảm cả về chất lượng lẫn số lượng.

2. **Sự giàu có về thành phần loài sinh vật:**

- Nước ta có hàng chục ngàn loại sinh vật

(14600 loài thực vật và 11200 loài và phân loài động vật).

3. **Sự đa dạng về sinh thái**:

**a. Hệ sinh thái rừng thái rừng ngập mặn:**

**b. Hệ sinh thái rừng nhiệt đới gió mùa:**

**c. Các khu bảo tồn thiên nhiên và vườn quốc gia:** để bảo vệ, phục hồi và phát triển tài nguyên sinh học tự nhiên.

**d. Các hệ sinh thái nông nghiệp:** do con người xây dựng nên để phục vụ đời sống, ngày càng lấn át các hệ sinh thái tự nhiên.

**4. Bảo vệ tài nguyên động vật :**

- Không phá rừng, bắt giết chim thú.

- Xây dựng nhiều khu bảo tồn thiên nhiên, vườn quốc gia để bảo vệ, phục hồi và phát triển động vật, nguồn gen động vật.

-Bảo vệ tài nguyên độn

**BÀI 41. MIỀN BẮC VÀ ĐÔNG BẮC BẮC BỘ**

**1. Vị trí và phạm vi lãnh thổ**

- Miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ bao gồm khu đồi núi tả ngạn sông Hồng và khu đồng bằng Bắc Bộ.

- Vị trí tiếp giáp khu vực ngoại chí tuyến.

- Chịu ảnh hưởng của gió mùa cực đới

**2. Tính chất nhiệt đới bị giảm sút mạnh mẽ, mùa đông lạnh nhất cả nước**

- Mùa đông lạnh giá, mưa phùn, gió bấc, lượng mưa nhỏ. Mùa đông đến sớm và kết thúc muộn.

- Mùa hạ nóng ẩm,mưa nhiều, có mưa ngâu.

**3. Địa hình phần lớn là đồi núi thấp với nhiều cánh cung núi mở rộngvề phía Bắc và quy tụ ở Tam Đảo**

**\* Địa hình :**

- Đồi núi thấp là chủ yếu nhưng rất đa dạng, với nhiều cánh cung núi mở rộng ở phía Bắc: cánh cung sông Gâm, Ngân Sơn, Bắc Sơn, Đông Triều.

- Đồng bằng sông Hồng.

- Đảo, quần đảo ở vịnh Bắc Bộ.

- Có nhiều sơn nguyên hiểm trở như Đồng Văn, Hà Giang

**\* Sông ngòi:**

- Nhiều sông ngòi, hệ thống sông lớn là: sông Hồng, sông Thái Bình, sông Kì Cùng-Bằng Giang.

- Hướng chảy: TB-ĐN và vòng cung.

- Có 2 mùa nước rõ rệt.

**4. Tài nguyên phong phú, đa dạng và nhiều cảnh quan đẹp, nổi tiếng**

- Miền giàu tài nguyên nhất cả nước.

- Nhiều cảnh quan đẹp, nổi tiếng

như vịnh Hạ Long, hồ Ba Bể, vườn quốc gia Cúc Phương, Tam Đảo…

**BÀI 42. MIỀN TÂY BẮC VÀ BẮC TRUNG BỘ**

**1. Vị trí, phạm vi lãnh thổ**

- Miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có vị trí từ hữu ngạn sông Hồng đến dãy Bạch Mã.

**2. Địa hình cao nhất Việt Nam**

- Đây là miền núi non trùng điệp, nhiều núi cao, thung lũng sâu.

Các dãy núi chạy theo hướng Tây Bắc-Đông Nam.

**3. Khí hậu đặc biệt do tác động của địa hình**

- Mùa đông đến muộn và kết thúc sớm. Khí hậu lạnh chủ yếu do núi cao, tác động của gió mùa Đông Bắc đã giảm nhiều.

- Mùa hạ đến sớm, có gió phơn Tây Nam khô, nóng.

**4. Tài nguyên phong phú đang được điều tra, khai thác**

- Tiềm năng thuỷ điện

- Tiềm năng về khoáng sản, có tới hanh trăm mỏ và điểm quặng: crômit, thiếc, sắt…

- Tiềm năng về rừng miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ có đầy đủ hệ thống vành đai thực vật ở VN.

- Tài nguyên biển của miền Tây Bắc và Bắc Trung Bộ to lớn và đa dạng. Có nhiều bãi biển đẹp.

**5. Bảo vệ môi trường và phòng chống thiên tai**

- Nổi bật là bảo vệ rừng đầu nguồn tại các sườn núi cao và dốc, phát triển tốt vốn rừng hiện nay.

- Chủ động phòng và tránh thiên tai.

**BÀI 43. MIỀN NAM TRUNG BỘ VÀ NAM BỘ**

**1. Vị trí, phạm vi lãnh thổ**

- Vị trí: từ dãy Bạch Mã đến Cà Mau.

- Bao gồm Tây Nguyên, duyên hải Nam Trung Bộ và đồng bằng Nam Bộ.

**2. Một miền nhiệt đới gió mùa nóng quanh năm, có mùa khô sâu sắc**

- Miền có khí hậu nóng quanh năm:

+ Nhiệt độ trung bình năm 25oC - 27oC.

+ Mùa khô kéo dài 6 tháng: nắng nóng, ít mưa, độ ẩm nhỏ, khả năng bốc hơi lớn.

+ Có gió Tín phong Đông Bắc khô, nóng và gió mùa Tây Nam nóng ẩm thổi thường xuyên.

**3. Trường Sơn Nam hùng vĩ và đồng bằng Nam Bộ rộng lớn**

**a/** Trường Sơn Nam là khu vực núi, cao nguyên rộng lớn được hình thành trên nền cổ Kon Tum.

- Nhiều núi cao trên 2000m.

- Các cao nguyên xếp tầng phủ badan.

**b/** Đồng bằng Nam Bộ rộng lớn, chiếm hơn một nửa diện tích đất phù sa của nước ta.

**4. Tài nguyên phong phú và tập trung, dễ khai thác**

**a/ Khí hậu - đất đai:**

- Khí hậu nóng quanh năm, diện tích đất đỏ badan nhiều => thuận lợi cho sản xuất nông – lâm nghiệp và nuôi trồng thuỷ sản quy mô lớn.

**b/ Tài nguyên rừng rất phong phú:**

- Nhiều kiểu loại sinh thái

- Diện tích rừng chiếm gần 60% diện tích cả nước. Trong rừng nhiều sinh vật quý.

**c/ Tài nguyên biển đa dạng và có giá trị to lớn.**- Biển có nhiều tiềm năng thủy hải sản, dầu mỏ, nhiều bãi biển đẹp, có giá trị về giao thông vận tải.

**MỘT SỐ CÂU HỎI THAM KHẢO:**

**Câu 1: Nêu những thuận lợi và khó khăn của sông ngòi đối với đời sống, sản xuất của người dân Việt Nam?**

**+ *Thuận lợi:*** cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủy điện, nuôi trồng thủy sản, giao thông vận tải, du lịch...

**+ *Khó khăn:*** chế độ nước thất thường, gây ngập úng một số khu vực ở đồng bằng sông Cửu Long, lũ quét ở miền núi…

**Câu 2: Địa hình nước ta hình thành và biến đổi do những nhân tố nào?**

- Hoạt động kiến tạo, đặc biệt là hoặc động Tân kiến tạo đã làm cho địa hình nước ta có diện mạo như hiện nay.

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, hoạt động của sinh vật.

- Hoạt động của con người.

**Câu 3: Những đặc điểm của vị trí địa lí có ảnh hưởng tới môi trường tự nhiên nước ta**?

-Vị trí địa lí là một trong những nguyên nhân cơ bản tạo nên các đặc điểm chung của thiên nhiên nước ta

-Tính chất nhiệt đới gió mùa, tính chất ven biển, tính chất đa dạng, phức tạp.